

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 530/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 03/14/2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 439/TTr-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài, đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hội nhập tri thức toàn cầu.

2. Cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần bám sát chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; triển khai nhất quán, thông suốt, đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả và minh bạch trong quản lý, sử dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học.

3. Trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động tiếp cận, thu hút, khai thác và phát huy nguồn lực trí thức toàn cầu; áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù trong tuyển dụng, sử dụng và bổ nhiệm chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Tạo môi trường làm việc và sinh sống thuận lợi cho các chuyên gia và nhà khoa học; khuyến khích sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân, doanh nghiệp, các tổ chức khoa học - công nghệ lớn, uy tín tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học, công nghệ trong các cơ sở đào tạo, bảo đảm thiết thực, hiệu quả trong công tác thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài.

5. Việc thu hút và sử dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam nhằm tạo đột phá trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và tư vấn chính sách; ưu tiên các lĩnh vực chiến lược và công nghệ mũi nhọn của quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam; qua đó tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hội nhập quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần từng bước đưa nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và quốc tế vào năm 2035.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

a) Thu hút ít nhất 30 chuyên gia, nhà khoa học xuất sắc người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài, có khả năng đảm nhiệm vị trí dẫn dắt, chủ trì các nhiệm vụ trọng điểm tạo đột phá trong giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ then chốt, chiến lược.

b) Thu hút 500 chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có nguyện vọng làm việc toàn thời gian tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam; có khả năng đảm nhiệm vị trí trưởng nhóm nghiên cứu, trưởng phòng thí nghiệm, giám đốc các chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực công nghệ then chốt, chiến lược, mũi nhọn, ưu tiên.

c) Thu hút 1500 chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc, giảng dạy, nghiên cứu, hợp tác thường xuyên hoặc cộng tác từ xa với các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách

a) Nghiên cứu, xây dựng ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện đối với chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại Việt Nam, trong đó ưu tiên các ngành khoa học, công nghệ chiến lược, then chốt và các ngành kinh tế trọng điểm; xây dựng cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm đặc thù đối với chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch và phù hợp thông lệ quốc tế.

b) Nghiên cứu, rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng, thuế thu nhập cá nhân; quy định về công nhận tương đương các chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp được phong tặng ở nước ngoài; ban hành quy định về điều kiện làm việc, nghiên cứu và môi trường học thuật thuận lợi, tạo động lực mạnh mẽ cho các chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

c) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách quy định về tài chính và tự chủ cho phép cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được phân cấp quản lý, phân bổ kinh phí, chi trả thu nhập theo hiệu quả công việc; xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính và cơ chế thưởng dựa trên kết quả đầu ra.

d) Cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình cấp giấy phép lao động, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, cấp thị thực cư trú và các thủ tục khác liên quan. Xây dựng chính sách tạo điều kiện thuận lợi về môi trường sống, nhà ở và các dịch vụ công thiết yếu nhằm giúp chuyên gia, nhà khoa học và gia đình được ổn định cuộc sống tại Việt Nam.

2. Xây dựng hệ sinh thái, khai thác, cập nhật mạng lưới kết nối chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài

a) Khai thác, cập nhật, chia sẻ cơ sở dữ liệu về chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở nguồn lực hiện có tại các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan.

b) Xây dựng, khai thác và kết nối mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học thông qua các mạng lưới trí thức, hiệp hội, doanh nghiệp; định kỳ hàng năm tổ chức các diễn đàn, hội thảo kết nối và vinh danh chuyên gia tiêu biểu nhằm tạo động lực thu hút người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc.

c) Chủ động hợp tác và tham gia các diễn đàn trao đổi học thuật quốc tế, các chương trình trao đổi giảng viên, cố vấn chuyên môn; tổ chức các hội thảo, diễn đàn học thuật quốc tế; đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh giữa chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài với các giảng viên, nhà khoa học trong nước.

d) Chủ động kết nối với các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ, năng lực sáng tạo và kinh nghiệm thực tiễn vượt trội hoặc có công trình, sản phẩm, thành tích, cống hiến đặc biệt được công nhận và ứng dụng hiệu quả, có khát vọng cống hiến tạo sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

đ) Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ; chú trọng phát triển mạng lưới, tạo động lực cho chuyên gia nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài cống hiến

cho hệ thống giáo dục Việt Nam; nghiên cứu, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ, sinh viên Việt Nam ở nước ngoài về nước thực tập, giao lưu, kết nối với các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

e) Tạo dựng hệ sinh thái, mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, năng lượng nguyên tử, khoa học công nghệ chiến lược, mũi nhọn, các ngành kinh tế trọng điểm; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh và tạo nguồn chuyên gia, nhà khoa học có khả năng đảm nhiệm vị trí dẫn dắt, chủ trì các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ.

3. Tăng cường truyền thông, quảng bá hình ảnh Việt Nam là điểm đến học thuật, nghiên cứu có uy tín

a) Xây dựng chiến lược truyền thông về thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, quảng bá hình ảnh Việt Nam là điểm đến học thuật, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo đáng tin cậy và năng động của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

b) Chủ động tiếp cận, tăng cường hợp tác với các tổ chức khoa học quốc tế, hiệp hội học thuật, đại sứ quán và mạng lưới người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu, kết nối, thu hút các chuyên gia, nhà khoa học đến Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc.

c) Hằng năm công bố danh sách hoặc kết quả ghi nhận các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thành tựu hợp tác quốc tế nổi bật, nhằm lan tỏa và nhân rộng điển hình tốt trong toàn hệ thống.

4. Huy động, đa dạng hóa nguồn lực

a) Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; lồng ghép các nhiệm vụ, nội dung của Chương trình vào các dự án, nhiệm vụ trong các đề án, chương trình quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao.

b) Đẩy mạnh hợp tác công - tư trong hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo, hợp tác nghiên cứu. Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở đào tạo tư thực quan tâm, bố trí kinh phí để thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

c) Các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động bố trí ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội hóa, các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Chương trình và các dự án do cơ sở giáo dục chủ trì thực hiện.

5. Xây dựng môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp, hiện đại

a) Xây dựng không gian và môi trường làm việc theo chuẩn quốc tế. Tạo lập môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp với cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, máy móc, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất là trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, năng lượng nguyên tử, khoa học công nghệ chiến lược và công nghệ mũi nhọn của quốc gia.

b) Nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng. Phát triển mạnh một số cơ sở giáo dục đại học điểm của Việt Nam thành trường hàng đầu khu vực.

c) Đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài, đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực chiến lược và công nghệ mũi nhọn của quốc gia.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo

a) Xây dựng nền tảng kết nối trên môi trường số, công thông tin điện tử về hợp tác học thuật quốc tế tích hợp dữ liệu giảng viên, cơ hội hợp tác, chính sách đãi ngộ và hướng dẫn thủ tục hành chính bằng song ngữ Việt - Anh.

b) Xây dựng lộ trình và triển khai ứng dụng công nghệ số phục vụ kết nối, thu hút và quản lý chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam, bảo đảm an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

c) Khuyến khích áp dụng công nghệ, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm triển khai có hiệu quả công tác thu hút chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài.

d) Phát huy vai trò của các doanh nghiệp liên quan đến hạ tầng số để hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện nền tảng số, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

7. Tăng cường giám sát, đánh giá, sơ kết và nhân rộng

a) Xây dựng bộ chỉ số theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (KPI) gồm: số lượng chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, công bố quốc tế trên các tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu Scopus hoặc Web of Science, bằng sáng chế, dự án hợp tác quốc tế, sản phẩm công nghệ chiến lược, chuyển giao công nghệ, đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh và vị trí xếp hạng đại học.

b) Ứng dụng hệ thống số hóa để giám sát tiến độ, công khai minh bạch kết quả thực hiện; thực hiện sơ kết và tổng kết Chương trình để đề xuất cơ chế, chính sách kịp thời.

c) Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân, cơ sở giáo dục có thành tích xuất sắc; nhân rộng mô hình tốt, sáng kiến hiệu quả trong thu hút, sử dụng và giữ chân chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài.

d) Xây dựng cơ chế đánh giá định kỳ hằng năm, gắn với yêu cầu kết quả, sản phẩm đầu ra cụ thể nhằm bảo đảm hiệu quả, thực chất.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn ngân sách chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo và phát triển khoa học công nghệ quốc gia theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lồng ghép các nguồn vốn thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm không trùng lặp và tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Các bộ, ngành, địa phương, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Chương trình để xây dựng dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp chủ trương tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục, đồng thời tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế để tranh thủ nguồn lực, hỗ trợ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm phân công nhiệm vụ theo tinh thần “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ sản phẩm”; chịu trách nhiệm về nội dung, đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 439/TTr-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2026. Bộ Giáo dục và Đào tạo thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình và định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, xây dựng, hoàn thiện quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

c) Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, rà soát, xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi về tiền lương và các chế độ đãi ngộ đối với chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại Việt Nam.

d) Chủ trì rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về công nhận tương đương chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp được phong tặng ở nước ngoài; cơ chế chia sẻ chuyên gia giữa các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

đ) Hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình.

e) Chủ trì xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá (KPI); tổng hợp nhu cầu và quy trình đề xuất bố trí ngân sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài làm việc.

g) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan để khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu về chuyên gia, nhà khoa học; mở rộng, phát huy vai trò của các mạng lưới trí thức, chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài; xây dựng cổng thông tin điện tử song ngữ và chiến lược truyền thông quốc gia cho Chương trình.

h) Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án cải cách thủ tục hành chính, cấp thị thực nhập cảnh, thẻ tạm trú tạo thuận lợi cho chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

2. Bộ Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, hoàn thiện các quy định liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam đảm bảo tính đặc thù cho các đối tượng của Chương trình.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát, xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi về tiền lương, thuế thu nhập cá nhân và các chế độ đãi ngộ đối với các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đến làm việc, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình các cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình; phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan và địa phương tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình.

4. Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án cải cách thủ tục hành chính, cấp thị thực nhập cảnh, thẻ tạm trú cho các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

b) Chủ trì nghiên cứu, phối hợp các đơn vị chức năng trong và ngoài nước rà soát, kiểm tra thông tin cá nhân, nhân thân của các chuyên gia, nhà khoa học, dự kiến sẽ được mời, thu hút về làm việc tại Việt Nam.

5. Bộ Ngoại giao

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc kết nối, vận động, thu hút mạng lưới trí thức người Việt Nam ở nước ngoài.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan nhằm tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài cộng tác trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

c) Chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chủ động trao đổi, tiếp cận các chuyên gia, nhà khoa học, giới thiệu, kết nối và phối hợp quảng bá hình ảnh Việt Nam là đất nước có điều kiện thuận lợi để làm việc, nghiên cứu khoa học.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc kết nối mạng lưới, xây dựng cơ sở dữ liệu các nhà khoa học.

b) Ưu tiên bố trí kinh phí từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia cho các nhiệm vụ nghiên cứu, đề tài do các nhà khoa học thuộc Chương trình này chủ trì, bảo đảm đúng quy định pháp luật liên quan.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường truyền thông, quảng bá hình ảnh Việt Nam là điểm đến học thuật, làm việc, nghiên cứu khoa học có uy tín, bảo đảm phù hợp chức năng quản lý nhà nước về báo chí, truyền thông và tăng hiệu quả phối hợp liên ngành trong triển khai Chương trình.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; chủ động ban hành chính sách đặc thù của địa phương (nếu cần), bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thực hiện chính sách thu hút các chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc tại địa phương.

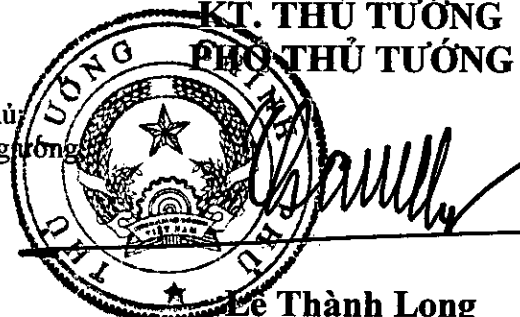
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, TCCV, QHQT, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, KGVX (2), DNam. 66

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Thành Long